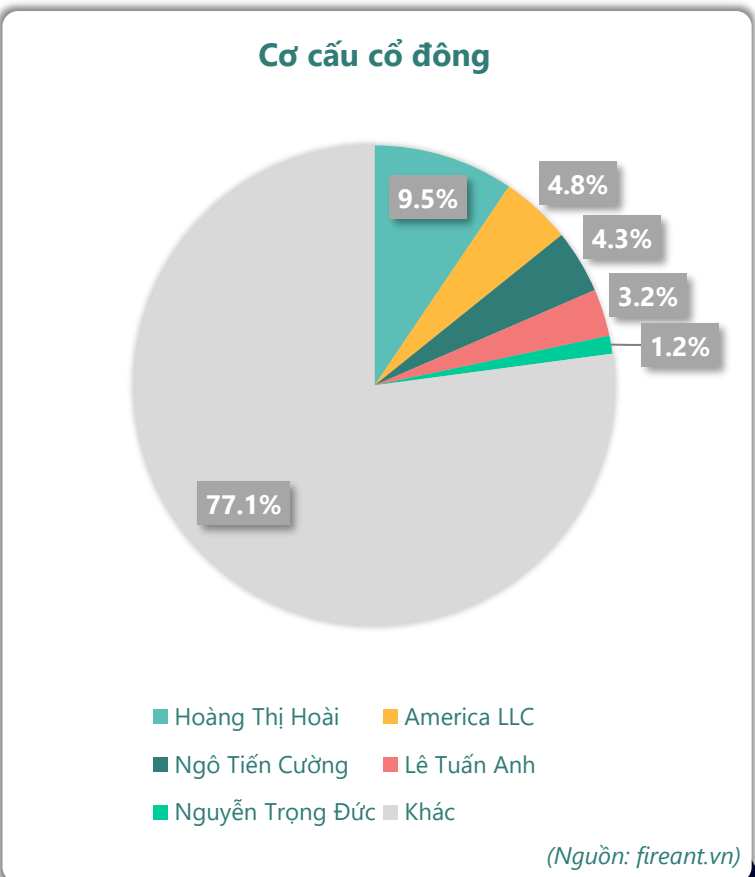
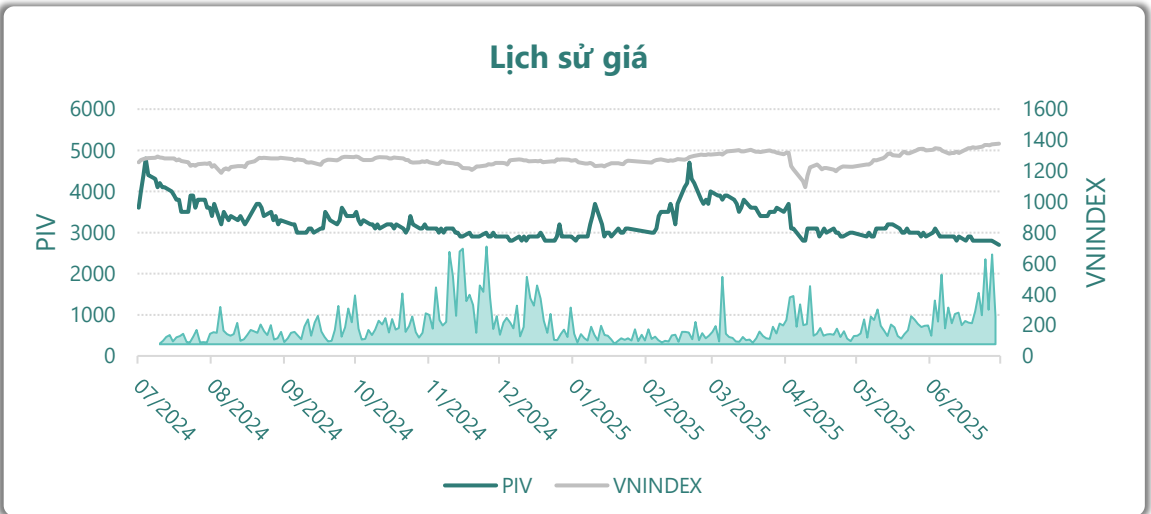
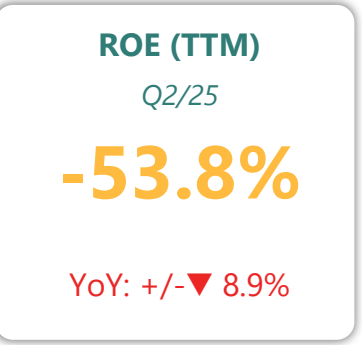
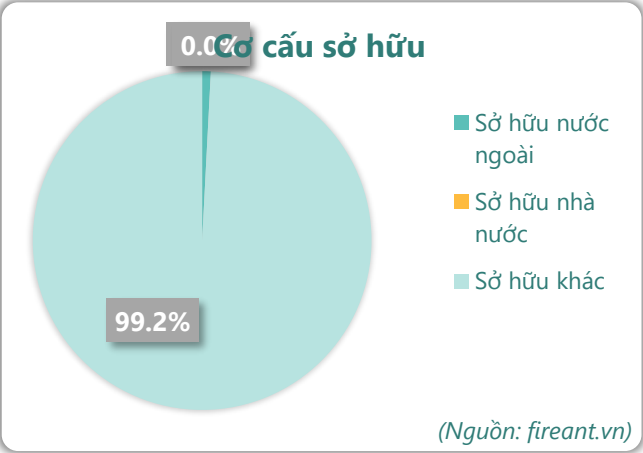


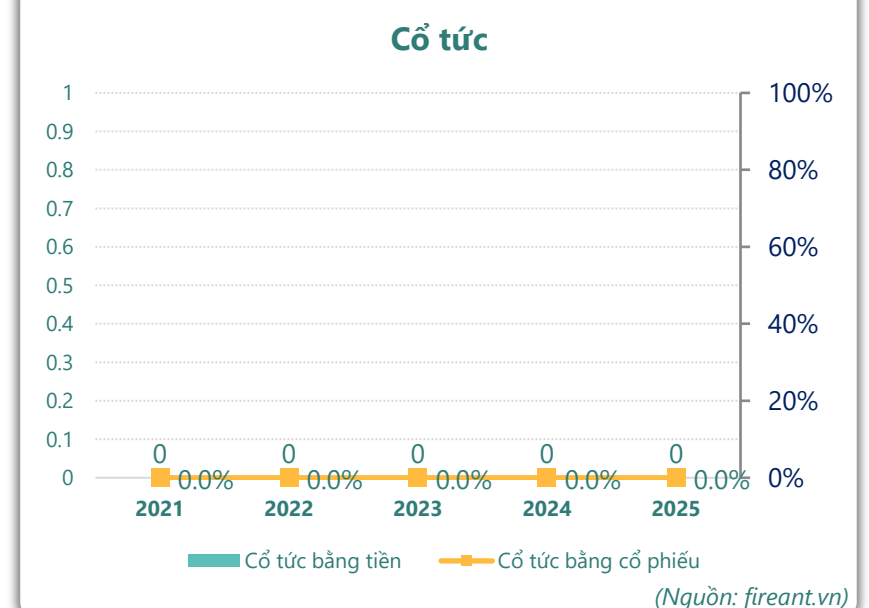
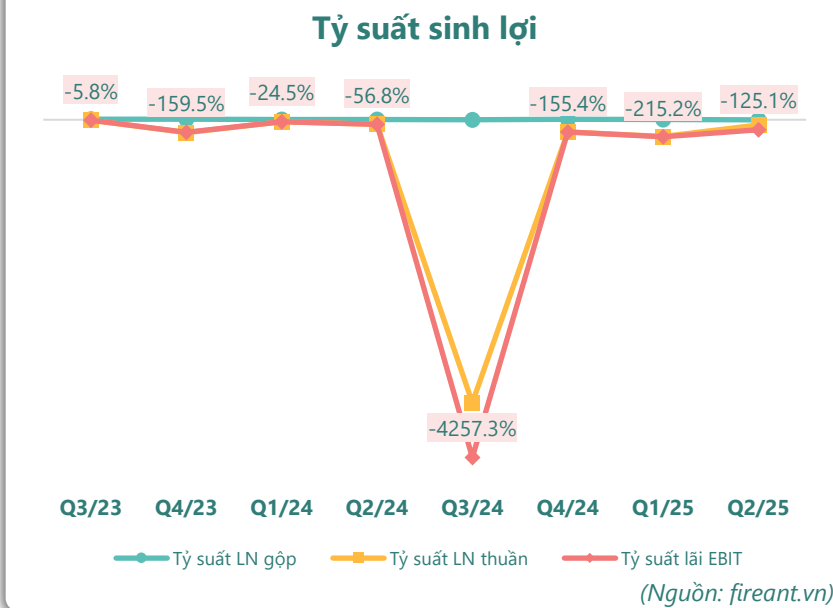
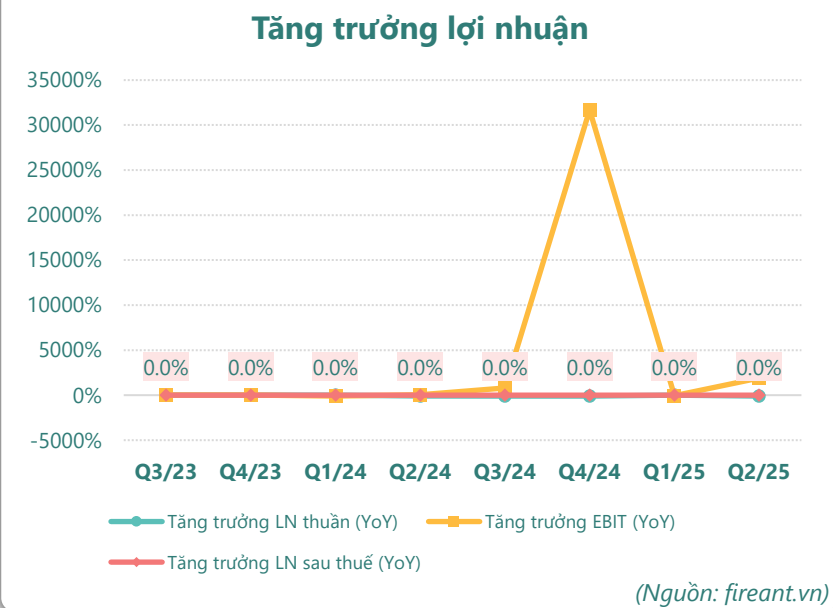
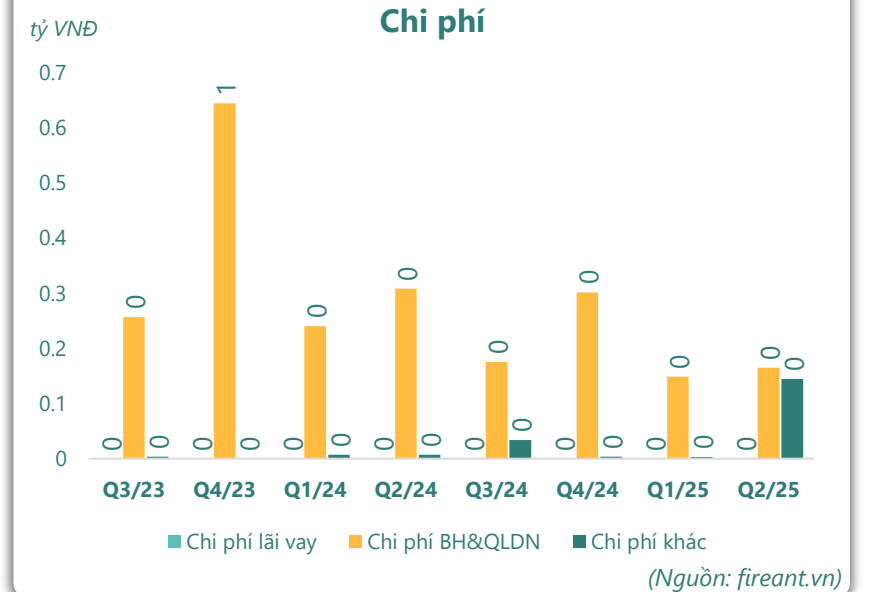
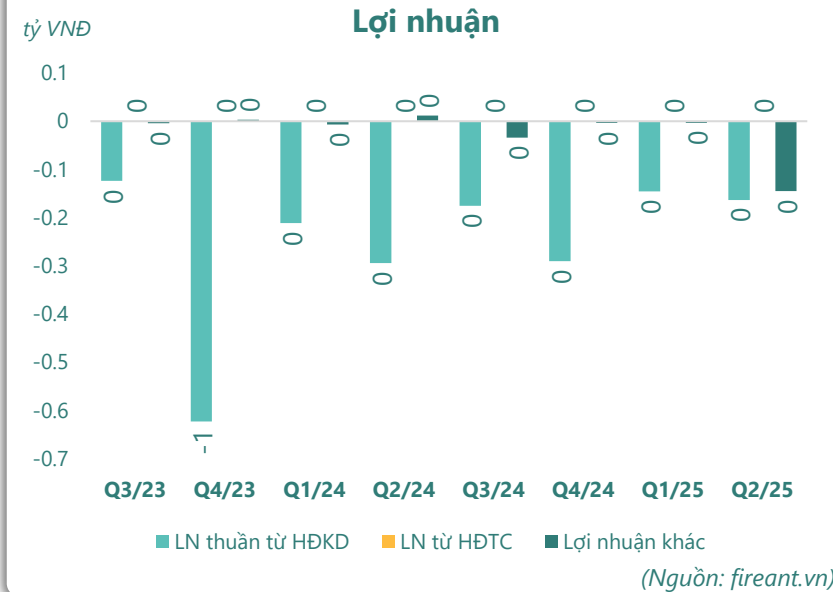
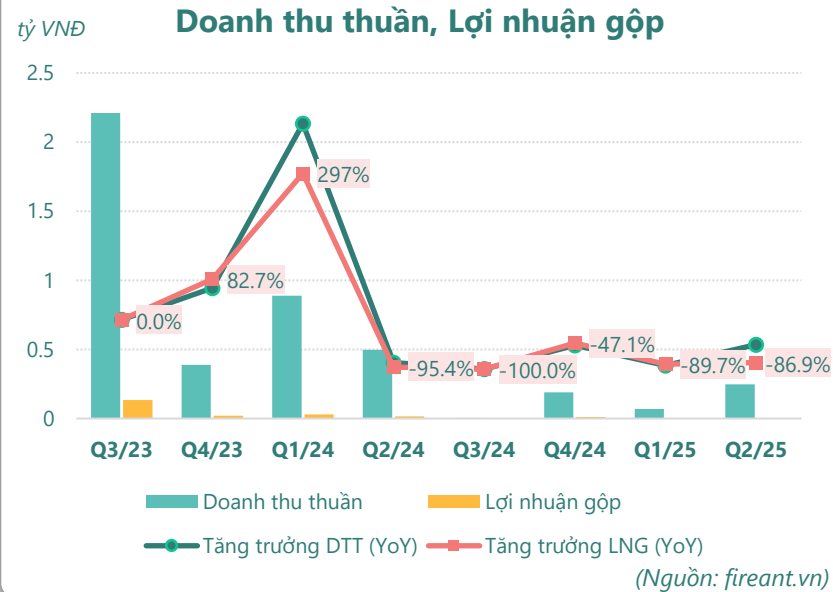
CTCP PIV

Ngày 30/06/2025	2,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-	-6.9%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	2,700 - 4,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	47
Số lượng CPLH (CP)	17,324,942
KLGD BQ 20 phiên (CP)	70,155
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	1.27
EPS	-55
P/E	-48.7



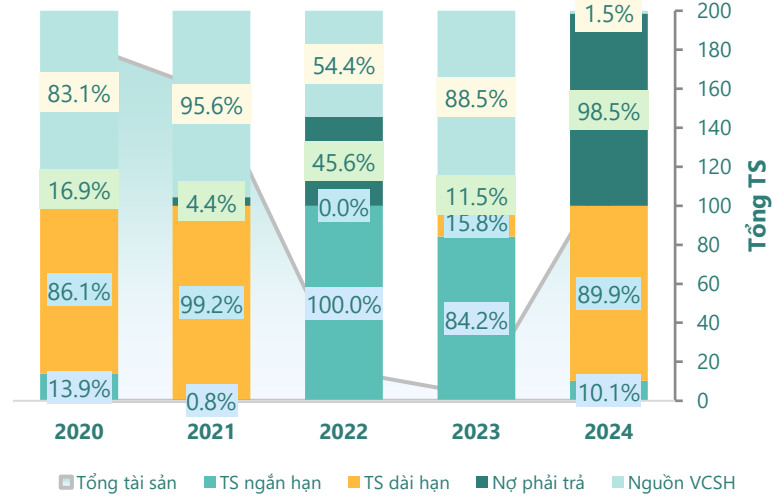
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

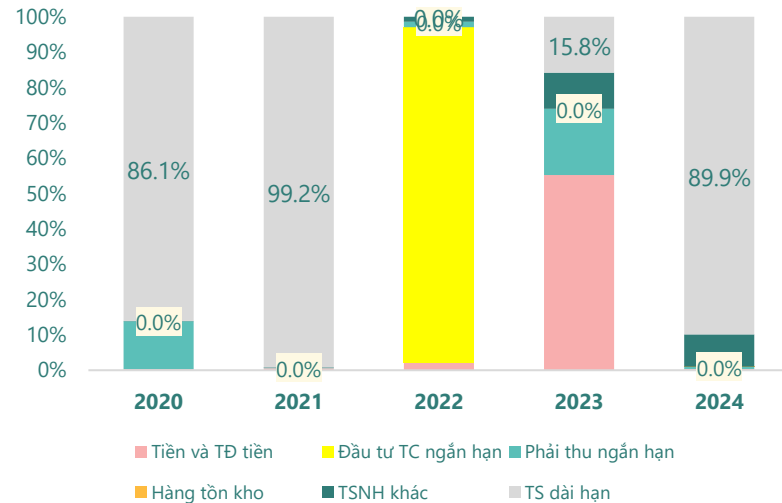
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

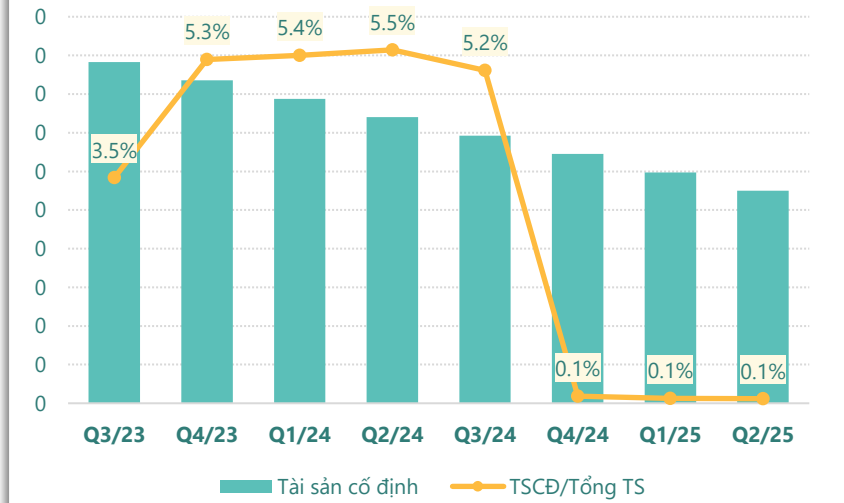
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

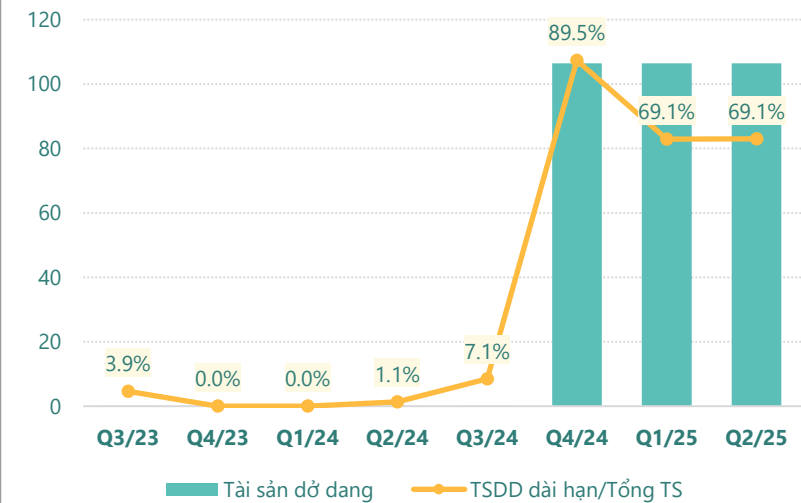
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

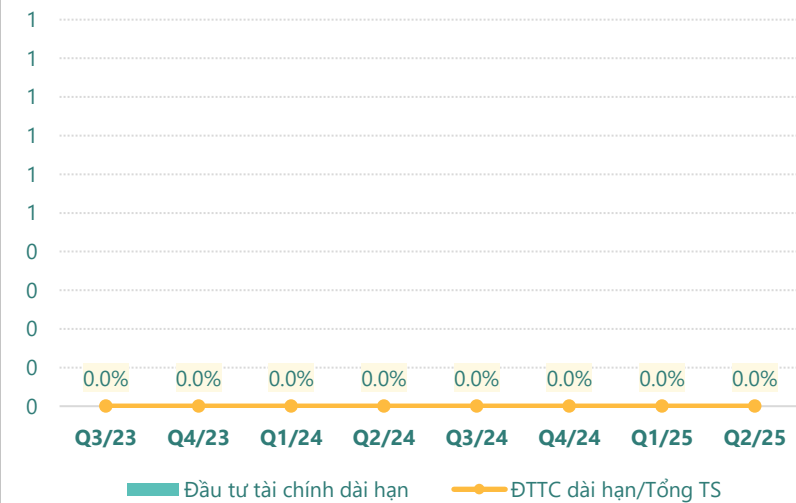
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

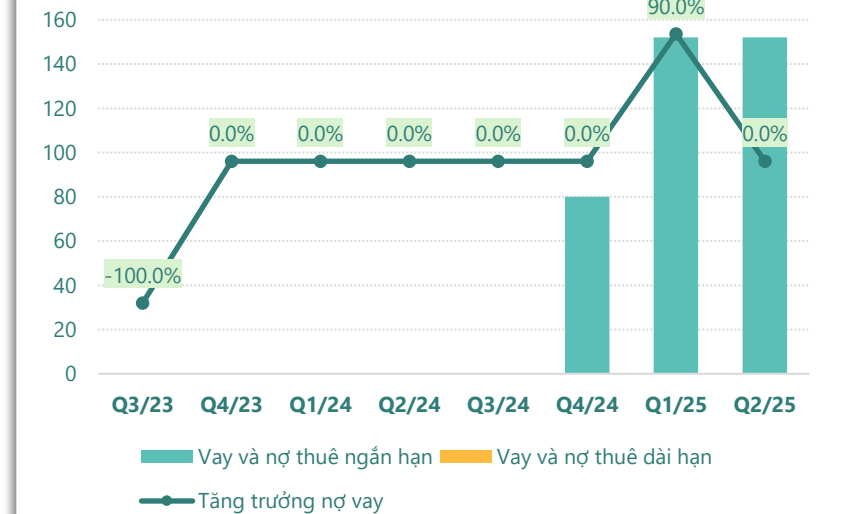
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

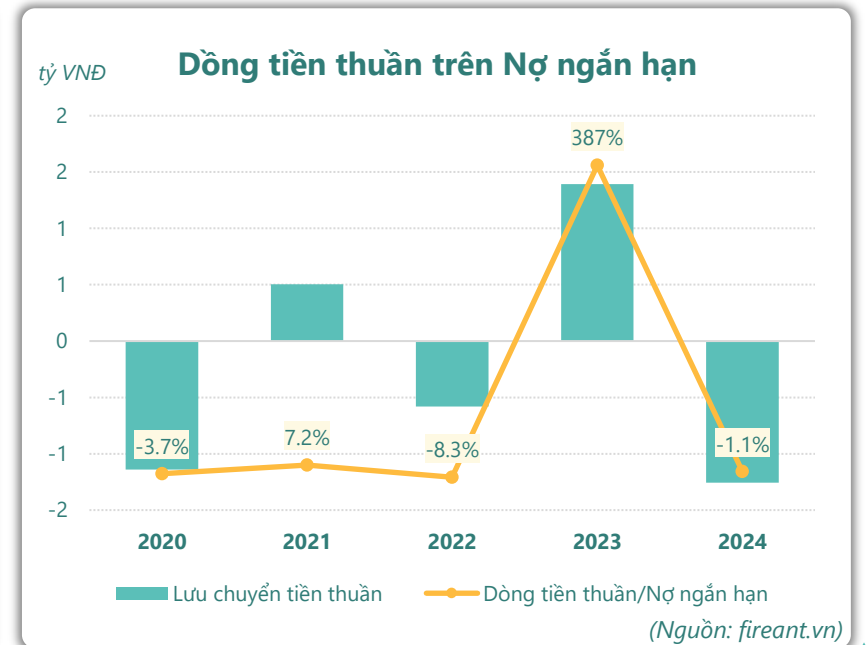
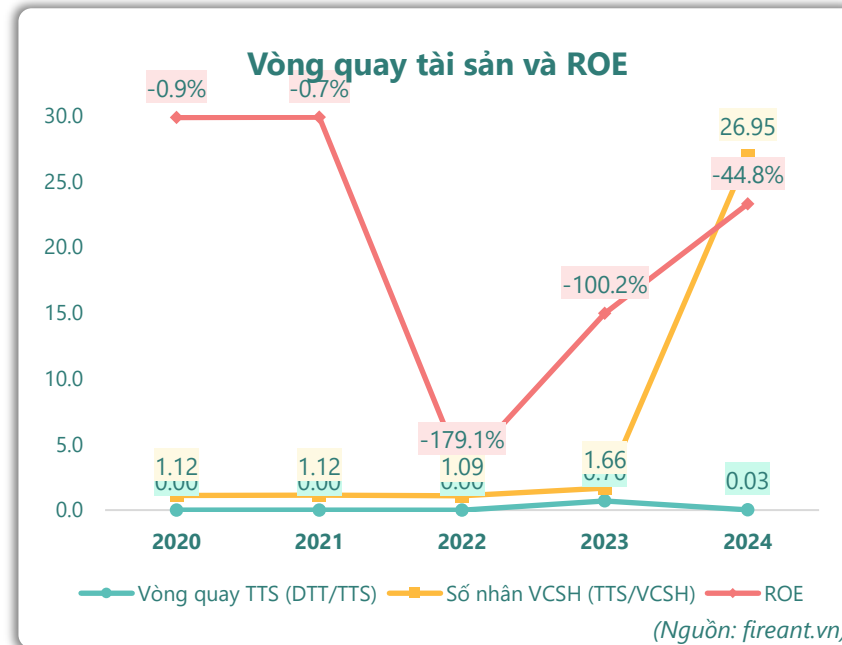
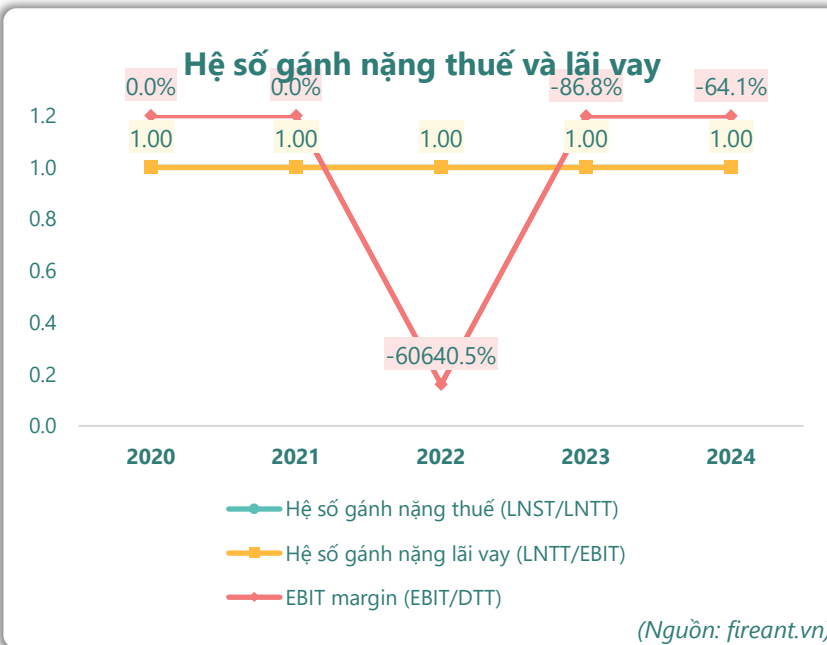
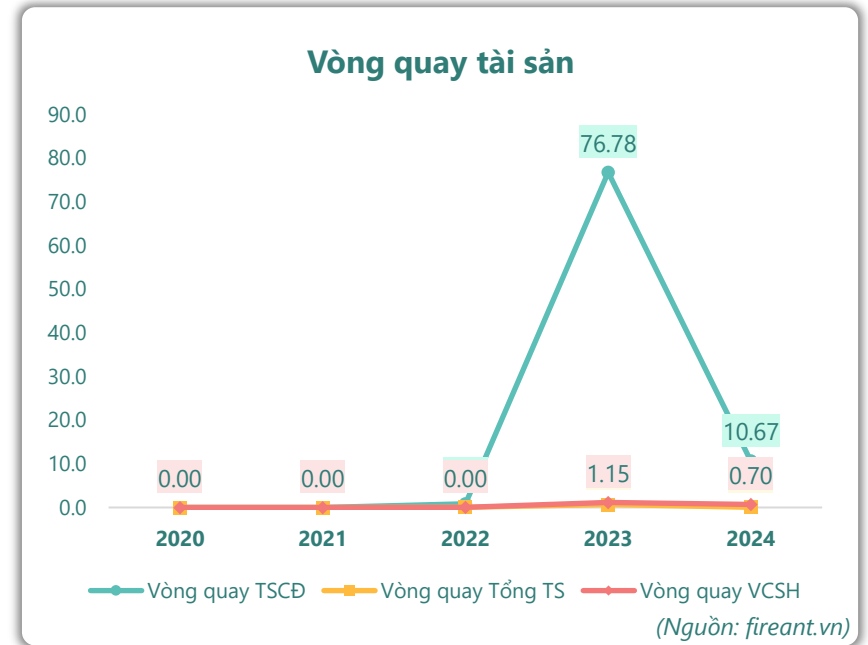
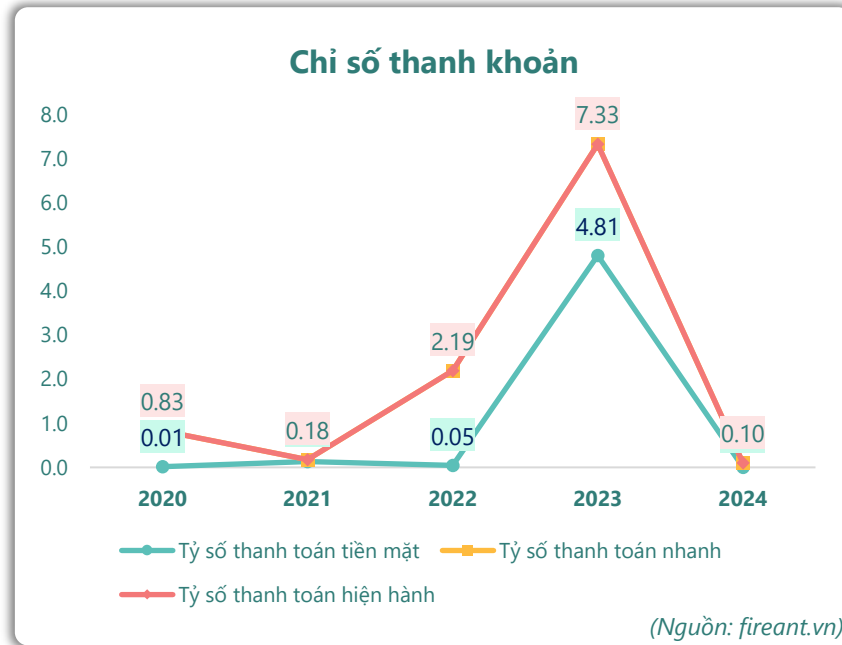
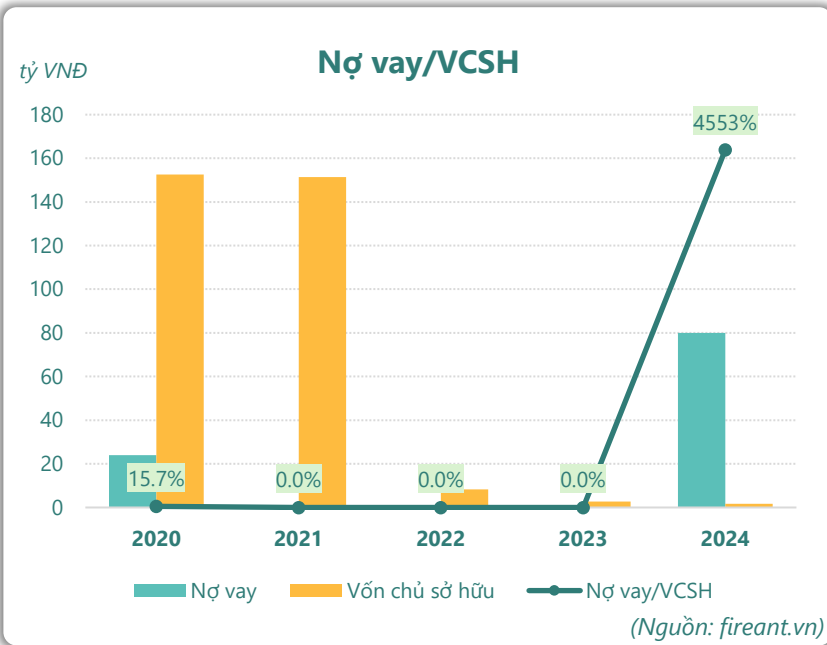
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	0.25	0.50	-50.7%	0.32	1.39	-77.2%
Giá vốn hàng bán	0.24	0.48	-49.1%	0.31	1.34	-76.8%
Lợi nhuận gộp	0.00	0.01	-80.6%	0.00	0.04	-88.8%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	-97.1%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	0.17	0.31	-46.7%	0.31	0.55	-42.9%
LN thuần từ HĐKD	-0.16	-0.29	43.7%	-0.31	-0.51	38.9%
Lợi nhuận khác	-0.14	0.01	-1550%	-0.15	0.00	-3185%
LN trước thuế	-0.31	-0.28	-10.1%	-0.46	-0.50	8.7%
Lợi nhuận sau thuế	-0.31	-0.28	-10.1%	-0.46	-0.50	8.7%
LNST của CĐ cty mẹ	-0.31	-0.28	-10.1%	-0.46	-0.50	8.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.26	0.66	-1.06	-79.6	-72.2	-0.27
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0.00	0.00	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	80.0	72.0	0
Tiền đầu kỳ	1.73	0.47	1.13	0.07	0.47	0.31
Lưu chuyển tiền thuần	-1.26	0.66	-1.06	0.40	-0.16	-0.27
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.47	1.13	0.07	0.47	0.31	0.04

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	154	119	29.4%
Tài sản ngắn hạn	47.3	12.1	292%
Tiền và tương đương tiền	0.04	0.47	-91.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	36.1	0.63	5605%
Hàng tồn kho	0.15	0.04	249%
Tài sản ngắn hạn khác	10.9	10.9	0.3%
Tài sản dài hạn	107	107	-0.2%
Phải thu dài hạn	0	0.08	-100%
Tài sản cố định	0.11	0.13	-14.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	106	106	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.15	0.24	-36.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	153	117	30.3%
Nợ ngắn hạn	153	117	30.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	152	80.0	90.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.08	36.7	-99.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1.30	1.76	-26.0%
Vốn chủ sở hữu	1.30	1.76	-26.0%
Vốn điều lệ	173	173	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

